

Số: 5276/YCBG-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 06 năm 2026

V/v: Yêu cầu báo giá Gói thầu: Mua
sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-
2027

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-2027

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm cho Gói thầu: Mua sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 02223821242

- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc nhận qua email (Bản PDF có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 11 tháng 06 năm 2026 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 22 tháng 06 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 06 năm 2026.

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ <https://bvdkbacninh.vn/tin-tuc/thu-moi-bao-gia>

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ chi tiết: Theo phụ lục đính kèm
2. Địa điểm thực hiện: Giao hàng tại : Kho vật tư- Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 (Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh)

Hãng sản xuất/Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về việc cung cấp hàng hoá cho Bệnh viện đảm bảo đúng với yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật trong yêu cầu báo giá (*Phụ lục chi tiết kèm theo*)

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.
- Thanh toán bằng chuyển khoản.
- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản nghiệm thu và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá: Mới 100%.
- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Lưu ý:

- Nhà thầu có thể chào giá theo từng phần của gói thầu (Phần 1, 2, 3...) hoặc nhiều phần hoặc cả gói thầu.
- Đề nghị nhà thầu chào rõ tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế (đăng tải);
- Phòng CNTT (đăng tải trên website của BV);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Lưu VT, HỒXDDT&giá.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

Gói thầu: Mua sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-2027

(Đính kèm yêu cầu báo giá số 5276/YCBG-BVĐKBN2 ngày 10/06/2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Các loại chỉ phẫu thuật mạch máu			
1.1	Chỉ không tiêu đơn sợi số 0	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ không tiêu, đơn sợi.- Chất liệu chỉ: Polypropylene.- Sợi chỉ số 0, chiều dài: ≥ 75cm.- Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn,- Chiều dài kim: 30mm- Đã được tiệt trùng- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ).+ Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).	Sợi	216
1.2	Chỉ không tiêu đơn sợi số 2/0	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ không tiêu, đơn sợi, có 2 kim.- Chất liệu: Polypropylene.- Sợi chỉ số 2/0, chiều dài: ≥ 90cm.- Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn- Chiều dài kim trong khoảng từ 26mm đến 31mm.- Đã được tiệt trùng- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ).+ Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).	Sợi	252
1.3	Chỉ không tiêu đơn sợi số 3/0	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ không tiêu, đơn sợi, có 2 kim- Chất liệu: Polypropylene.- Sợi chỉ số 3/0, chiều dài: ≥ 90 cm.- Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn- Chiều dài kim: 25mm- Đã được tiệt trùng- Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ).+ Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản).	Sợi	4.024
1.4	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ không tiêu, đơn sợi, có 2 kim- Chất liệu: Polypropylene.- Sợi chỉ số 4/0, chiều dài: ≥ 90cm.	Sợi	4.680

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ <https://bvdkbacninh.vn/tin-tuc/thu-moi-bao-gia>

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chèo các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn - Chiều dài kim: 20mm - Đã được tiệt trùng - Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ). + Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản). 		
1.5	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu, đơn sợi, có 2 kim - Chất liệu: Polypropylene. - Sợi chỉ số 5/0, chiều dài: ≥90cm - Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn - Chiều dài kim: 17mm - Đã được tiệt trùng - Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ). + Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản). 	Sợi	2.592
1.6	Chỉ không tiêu đơn sợi số 6/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu, đơn sợi, có 2 kim - Chất liệu: Polypropylene. - Sợi chỉ số 6/0, chiều dài: ≥75cm - Kim tròn đầu tròn, cong 3/8 vòng tròn - Chiều dài kim: 13mm - Đã được tiệt trùng - Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ). + Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản). 	Sợi	504
1.7	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu, đơn sợi, có 2 kim - Chất liệu: Polypropylene. - Sợi chỉ số 7/0, chiều dài: ≥60cm. - Kim tròn đầu tròn cong 3/8 vòng tròn - Chiều dài kim: 9mm - Đã được tiệt trùng - Đáp ứng tối thiểu một trong hai điều kiện: + Đạt chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ). + Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản). 	Sợi	540
2	Các loại chỉ phẫu thuật sản			

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
2.1	Chỉ khâu tiêu chậm catgut chrom số 0	<p>Chỉ tiêu, đơn sợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Collagen - Sợi chỉ số 0, chiều dài: ≥75cm. - Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn. - Chiều dài kim tối thiểu trong khoảng từ 30mm đến 36mm - Đã được tiệt trùng 	Sợi	1.000
2.2	Chỉ khâu tiêu chậm catgut chrom số 2/0	<p>Chỉ tiêu, đơn sợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Collagen - Sợi chỉ số 2/0, chiều dài: ≥75cm. - Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn. - Chiều dài kim tối thiểu trong khoảng từ 25mm đến 30mm. - Đã được tiệt trùng 	Sợi	2.000
2.3	Chỉ khâu tiêu chậm catgut chrom số 3/0	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu, đơn sợi. - Thành phần: Collagen - Sợi chỉ số 3/0, chiều dài: ≥75cm. - Kim tròn đầu tròn, cong 1/2 vòng tròn, chiều dài kim: 25mm - Đã được tiệt trùng 	Sợi	4.000
3	Vật tư dùng cho dao mổ điện			
3.1	Dao mổ điện đơn cực dùng nhiều lần	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu lưỡi dao: Thép không gỉ. - Có thể sử dụng: ≥50 lần - Chất liệu dây: silicone. - Chiều dài dây: ≥4.5m. - Đã được tiệt trùng - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	50
3.2	Dây nối lưỡng cực	<ul style="list-style-type: none"> - Dây nối lưỡng cực điều khiển bằng bàn đạp. - Đầu cắm đúc liền (moulded plug) - Chiều dài: ≥4m. - Tương thích với dao mổ điện model Force FX - 8C, hãng Covidien. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	150

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
3.3	Đầu đốt lưỡng cực dùng nhiều lần	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp lưỡng cực dùng nhiều lần. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Thiết kế giảm chói sáng (reduce glare) - Chiều dài trong khoảng từ 16cm đến 20cm. - Đường kính: 2.0mm. - Tương thích với mặt hàng STT 3.2 (Dây nối lưỡng cực) - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	150
4	Vật tư dùng cho khoan cửa xương đa năng			
4.1	Dầu xịt bảo dưỡng khoan	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu xịt bảo dưỡng khoan - Dung tích ≥300ml - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD 	Bình	3
4.2	Mũi khoan cắt sọ	<ul style="list-style-type: none"> - Mũi cắt sọ 3 cạnh thẳng - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính thân trong khoảng từ 2.0mm đến 2.5mm - Chiều dài tổng thể trong khoảng từ 45mm đến 70mm - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 11mm đến 36mm - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD 	Cái	50
4.3	Mũi khoan mài kim cương	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu mũi dạng hình cầu phủ bụi kim cương - Đường kính mũi trong khoảng từ 1mm đến 6mm - Đường kính thân trong khoảng từ 2.0mm đến 2.5mm - Chiều dài tổng thể trong khoảng từ 35mm đến 45mm - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD 	Cái	30
4.4	Mũi khoan mài nội soi cột sống	<ul style="list-style-type: none"> - Mũi mài dùng trong nội soi cột sống 2 cổng. - Đầu mũi mài hình cầu, có loại mũi thép có rãnh và mũi phủ kim cương - Có tối thiểu các đường kính mũi: 3mm; 4mm; 5mm - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 100mm đến 160mm - Mũi mài có 2 loại đầu bảo vệ khác nhau - Tốc độ tối đa: ≥20.000 vòng/phút - Mũi mài có khóa tại 16 vị trí khác nhau trên tay cầm - Đã được tiệt trùng - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD. 	Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
4.5	Mũi khoan sọ não tự dừng dùng một lần	Mũi khoan sọ tự dừng loại sử dụng một lần: - Chất liệu thép không gỉ - Có tối thiểu 02 độ dày: 1.5mm; 3.0mm - Đường kính trong trong khoảng từ 6mm đến 11mm. - Đường kính ngoài trong khoảng từ 9mm đến 14mm - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).	Cái	20
4.6	Mũi khoan sọ não tự dừng dùng nhiều lần	Mũi khoan sọ tự dừng loại sử dụng nhiều lần: - Chất liệu thép không gỉ - Độ dày: 3.0mm - Đường kính trong trong khoảng từ 6mm đến 11mm. - Đường kính ngoài trong khoảng từ 9mm đến 14mm - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).	Cái	2
4.7	Mũi khoan tạo hình	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 1.5mm - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).	Cái	25
4.8	Mũi mài phá	- Đầu mũi dạng hình cầu có khía - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính mũi trong khoảng từ 1mm đến 6mm - Đường kính thân: 2.38mm - Chiều dài tổng thể trong khoảng từ 36mm đến 41mm - Tương thích với hệ thống máy khoan model Neuro Smart hãng EMD - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận/chứng chỉ: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).	Cái	30
5	Vật tư dùng cho khoan phẫu thuật sọ não			
5.1	Dầu xịt bảo dưỡng cho đầu chụp khoan	- Dầu xịt bảo dưỡng cho đầu chụp khoan - Dung tích ≥480ml	Bình	10
5.2	Mũi cắt sọ	- Chiều dài trong khoảng từ 65mm đến 70mm. - Đường kính thân trong khoảng từ 3.0mm đến 3.5mm.	Cái	50

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ <https://bvdkbacninh.vn/tin-tuc/thu-moi-bao-gia>

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chèo các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não model P200-CU-230 hãng Nakanishi.		
5.3	Mũi khoan đầu kim cương	- Mũi khoan đầu kim cương - Chiều dài trong khoảng từ 115mm đến 140mm. - Đường kính thân trong khoảng từ 2.0mm đến 2.5mm. - Đường kính đầu mũi khoan tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 7.0mm. - Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não model P200-CU-230 hãng Nakanishi.	Cái	40
5.4	Mũi khoan đầu tròn có rãnh xoắn	- Mũi khoan đầu tròn có rãnh xoắn - Chiều dài trong khoảng từ 115mm đến 140mm. - Đường kính thân trong khoảng từ 2.0mm đến 2.5mm. - Đường kính đầu mũi khoan tối thiểu trong khoảng từ 1.0mm đến 7.0mm. - Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não model P200-CU-230 hãng Nakanishi.	Cái	40
5.5	Mũi khoan tạo hình	- Chiều dài trong khoảng từ 50mm đến 60mm - Đường kính thân trong khoảng từ 2.0mm đến 2.5mm. - Đường kính mũi khoan trong khoảng từ 1.0mm đến 2.0mm. - Tương thích với Hệ thống khoan dùng trong phẫu thuật sọ não model P200-CU-230 hãng Nakanishi.	Cái	30
5.6	Mũi khoan tự dùng	- Đường kính trong trong khoảng từ 10mm đến 12mm. - Đường kính ngoài trong khoảng từ 14mm đến 15mm. - Mũi có tính năng chống trượt	Cái	20
6	Vật tư dùng cho nội soi khí phế quản			
6.1	Kìm gấp dị vật, ngàm chuột	- Kìm gấp dị vật, răng chuột - Chiều dài làm việc: 1900mm - Độ mở rộng hàm: 3.8mm - Tương thích với kênh làm việc: 2.0mm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	4
6.2	Kìm sinh thiết hàm cá sấu, kênh 2.0mm	- Kìm sinh thiết hàm cá sấu, loại có kim - Chiều dài làm việc: 1150mm - Tương thích với kênh làm việc: 2.0mm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	20

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
6.3	Kìm sinh thiết hàm cá sấu, kênh 2.8mm	- Kìm sinh thiết hàm cá sấu, loại có kim - Chiều dài làm việc: 1550mm - Tương thích với kênh làm việc: 2.8mm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	20
6.4	Ống dẫn lưu màng phổi trocar	- Chất liệu trocar: thép không gỉ, chất liệu ống thông: nhựa PVC - Có các kích cỡ từ 8 đến 40Fr - Có 02 lỗ bên - Đã được tiệt trùng	Cái	200
6.5	Rọ xoắn dùng một lần	- Rọ xoắn, 03 nhánh - Chiều dài làm việc: 1150mm - Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu: 1.2mm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	4
6.6	Trocar mềm cho ống soi lồng ngực	- Trocar mềm cho ống soi lồng ngực - Chiều dài làm việc: 60mm - Tương thích với ống nội soi lồng ngực model LTF-160 hãng Olympus. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	10
6.7	Van sinh thiết cho ống soi khí phế quản	- Van sinh thiết. - Tương thích với dây ống soi khí phế quản model BF - Q170 hãng Olympus. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	20
7	Vật tư dùng trong hồi sức và phòng mổ			
7.1	Bộ dẫn lưu vết mổ 200ml	- Chất liệu dây: PVC hoặc cao su silicon, Polypropylen, Polystyrene. - Thành phần: Bình chứa, ống thoát nước, ống nối, van một chiều. - Dung tích: 200ml - Có tối thiểu các cỡ: 10Fr, 12Fr.	Bộ	4.200
7.2	Bộ dẫn lưu vết mổ 400ml	- Chất liệu dây: PVC hoặc cao su silicon, Polypropylen, Polystyrene - Thành phần: Bình chứa, ống thoát nước, ống nối, van một chiều.	Bộ	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 400ml - Có tối thiểu các cỡ: 10Fr, 12Fr. 		
7.3	Canuyl mở khí quản	<ul style="list-style-type: none"> - Canuyl mở khí quản có bóng. - Chất liệu: PVC. - Cong 90°. - Có vạch cản quang chạy dọc thân. - Đầu nối tiêu chuẩn 15mm. - Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 5mm đến 10mm 	Cái	1.000
7.4	Catheter 3 nòng	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm tối thiểu: 01 catheter, 01 dây dẫn đường, 01 que nong, 01 kim dẫn đường, 1 dao mổ. - Catheter có chất liệu polyurethane; đường kính: 7F; chiều dài: 20cm. - Kích thước 3 nòng gồm: 16G, 18G, 18G. 	Bộ	4.200
7.5	Dây cho ăn các số	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: PVC. - Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 500mm đến 1250mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	23.000
7.6	Gạc dẫn lưu mũi	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: gạc không dệt hút nước (70% viscose và 30% polyester). - Tốc độ hút nước: ≤5s. - Kích thước: 1.5cm x 100cm x 4 lớp. - Đã được tiệt trùng 	Cái	1.800
7.7	Gọng thở mũi lưu lượng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Gọng thở mũi lưu lượng cao - Đầu nối tiêu chuẩn: 15mm. - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. 	Cái	4.000
7.8	Kim chọc dò và gây tê tủy sống	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò và gây tê tủy sống - Đầu kim 3 mặt vát - có tối thiểu các cỡ: 18G, 27G. 	Cái	11.000
7.9	Kim đốt sóng cao tần đơn cực	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần đơn cực. - Chất liệu: thép không gỉ. - Có tối thiểu 02 đường kính kim: 17G, 18G - Chiều dài thân kim trong khoảng từ 07cm đến 27cm. - Độ dài đầu phát nhiệt trong khoảng từ 0.5cm đến 5cm. - Sử dụng được trên Máy đốt sóng cao tần u gan model Cool-tip RF Ablation System E Series, hãng Covidien. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu.		
7.10	Mask chạy khí dung	- Chất liệu: nhựa PVC y tế. - Có kẹp mũi loại điều chỉnh được. - Có dây đeo. - Ống thở dài $\geq 2m$. - Có bầu đựng thuốc dung tích tối thiểu trong khoảng từ 2ml đến 8ml.	Cái	6.700
7.11	Mask máy thở không xâm nhập	- Mask máy thở không xâm nhập. - Tấm tựa trán có thể điều chỉnh được. - Vành làm bằng silicon. - Có lỗ thoát khí. - Có dây đeo mask.	Cái	100
7.12	Mask thanh quản các cỡ	- Mask thanh quản các cỡ. - Chất liệu: PVC. - Có các kích cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đã được tiệt trùng.	Cái	50
7.13	Mask thở oxy	- Chất liệu: nhựa PVC y tế. - Có kẹp mũi loại điều chỉnh được. - Có dây đeo. - Ống thở dài $\geq 2m$.	Cái	3.000
7.14	Mask thở oxy có túi	- Chất liệu: nhựa PVC y tế. - Có kẹp mũi loại điều chỉnh được. - Có bóng dự trữ. - Có dây đeo. - Ống dây dài $\geq 2m$.	Cái	1.300
7.15	Phin lọc khuẩn	- Thể tích khí thở: 300-1500ml - Hiệu suất lọc: $\geq 99\%$ - Khả năng lọc khuẩn: $\geq 99\%$ - Khả năng lọc virus: $\geq 99\%$	Cái	6.000
7.16	Sâu máy thở	- Chất liệu: nhựa y tế. - Dạng lò xo (dạng sóng) - Có cổng lấy khí, nắp đậy - Kích thước: đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm - Chiều dài: $\geq 15cm$. - Đầu nối xoay 360°	Cái	6.700

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
7.17	Sonde dẫn lưu ổ bụng không lỗ	- Chất liệu: nhựa PVC y tế. - Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm. - Đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm. - Chiều dài 396mm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	4.000
7.18	Tấm trải nylon vô trùng	- Chất liệu: nylon. - Kích thước: 100 x 130cm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	6.000
7.19	Túi bọc kính vi phẫu	- Túi bọc kính vi phẫu. - Kích thước: 110x160cm. - Đã được tiệt trùng.	Cái	200
7.20	Túi camera (máy nội soi)	- Gồm: 01 túi nylon kích thước 9 x 14cm kèm dây buộc và 01 ống nylon đường kính 18 x 230cm kèm dây buộc. - Đã được tiệt trùng	Cái	42.000
7.21	Túi chụp bóng đèn 40x50 cm	- Túi chụp bóng đèn. - Chất liệu: nylon. - Kích thước: 40cmx50cm. - Đã tiệt trùng.	Cái	6.000
7.22	Túi chụp bóng đèn 60x90 cm	- Túi chụp bóng đèn. - Chất liệu: nylon. - Kích thước: 60cmx90cm. - Đã tiệt trùng.	Cái	5.000
7.23	Xông JJ	- Chất liệu: polyurethane. - Hai đầu chữ J. - Chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 16cm đến 30cm..	Cái	2.000
8	Vật tư nội soi chẩn đoán			
8.1	Bóng lấy sỏi 3 lỗ	Bóng lấy sỏi 3 lỗ. - Đường kính ống thông trong khoảng từ 6.0Fr đến 7.0Fr. - Chiều dài làm việc: 200cm - Tương thích dây dẫn 0.035". - Đường kính ngoài của bóng trong khoảng từ 9mm đến 18mm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	30
8.2	Bóng nong cỡ nhỏ	- Bóng nong có cản quang. - Có thể bơm thuốc cản quang ở kênh dây dẫn. - Đường kính bóng trong khoảng từ 4mm đến 8mm	Cái	3

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài bóng trong khoảng từ 2cm đến 4cm. - Tương thích dây dẫn hướng có đường kính 0.035" - Có tối thiểu chiều dài làm việc: 180cm. - Tương thích với kênh làm việc của dây soi có đường kính 3.2mm. - Đường kính ống thông: 5.8Fr. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu. 		
8.3	Bóng nong thực quản, đường mật	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong thực quản, đường mật có cản quang. - Đường kính bóng bơm phồng trong khoảng từ 8mm đến 20mm - Chiều dài bóng trong khoảng từ 5cm đến 6cm. - Tương thích dây dẫn hướng có đường kính 0.035" - Chiều dài làm việc: ≥ 180cm - Tương thích với kênh làm việc của dây soi có đường kính tối thiểu 2.8mm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu. 	Cái	5
8.4	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm tối thiểu: tay cầm và đầu thắt. - Số vòng thắt: ≥ 4 vòng. - Đường kính đầu cấp trong khoảng từ 8.5mm đến 9.0mm. - Chiều dài dây kéo: ≥ 145cm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Bộ	10
8.5	Bộ mở thông dạ dày qua da dạng kéo	<p>Bộ mở thông dạ dày qua da, kích thước 24Fr, bao gồm tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống thông nuôi ăn bằng silicone. - Dao mổ. - Kẹp ống. - Miếng gạc. - Kim tiêm có kích cỡ trong khoảng từ 19G đến 25G. - Dây định vị. 	Cái	80

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
8.6	Chổi rửa dây soi	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài đầu chổi trong khoảng từ 6mm đến 10mm. - Chiều dài làm việc: 2200mm - Tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. 	Cái	20
8.7	Clip cầm máu xoay 2 chiều	<ul style="list-style-type: none"> Clip cầm máu xoay 2 chiều. - Cấu trúc rãnh trượt, có chốt ở đầu. - Độ mở trong khoảng từ 11mm đến 16mm. - Chiều dài: 2300mm - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	2.100
8.8	Dao cắt cơ vòng	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 200cm - Tương thích dây dẫn 0.035". - Đường kính ngoài trong khoảng từ 3.9Fr đến 4.9Fr. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). 	Cái	100
8.9	Dao cắt điếm	<ul style="list-style-type: none"> - Dao cắt điếm - Đường kính cán trong khoảng từ 5.5Fr đến 7.0Fr. - Chiều dài ống thông: 200cm - Tương thích với dây dẫn hướng 0.035" - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	5
8.10	Dao cắt hút dưới niêm mạc	<ul style="list-style-type: none"> - Dao cắt hút niêm mạc - Có tối thiểu các chiều dài dao: 1.5mm; 2.0mm; 4.0mm. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1650mm đến 2350mm. - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). 	Cái	20
8.11	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện	<ul style="list-style-type: none"> - Dao cắt hút niêm mạc có đầu cách điện. - Có tối thiểu các chiều dài dao: 1.5mm; 2.0mm; 4.0mm. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1650mm đến 2350mm. - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu). 	Cái	20
8.12	Dây dẫn đường	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn đường thiết kế dạng xoắn. - Có ≥2 điếm cản quang. - Có ≥2 đầu tip phủ ái nước, có các dạng: thẳng, cong. - Chiều dài dây: 450cm 	Cái	20

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu).		
8.13	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản. - Số lượng vòng thắt trên 01 đầu thắt: ≥ 06 vòng. - Phù hợp với dây soi có đường kính trong khoảng từ 9.0mm đến 13mm. - Chiều dài ống thông: ≥ 145 cm.	Cái	1.100
8.14	Kẹp cầm máu nóng	- Kìm kẹp cầm máu nóng. - Có thể xoay 360° hai chiều. - Có tối thiểu 2 loại ngàm: ngàm có rãnh, ngàm thon. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 1.650mm đến 2.300mm. - Độ mở ngàm trong khoảng từ 6.0mm đến 6.5mm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	8
8.15	Kìm tiêm cầm máu	- Chiều dài làm việc: 230cm - Chiều dài kim: 4mm - Đường kính kim trong khoảng từ 19G đến 25G. - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	25
8.16	Kìm gấp dị vật	- Kìm gấp dị vật ngàm cá sấu - Có tối thiểu đường kính ngàm: 2.3mm. - Độ mở ngàm: 8mm - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 120cm đến 230cm.	Cái	5
8.17	Kìm sinh thiết dạ dày	- Kìm sinh thiết không kim. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 150cm đến 180cm. - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	Cái	120
8.18	Kìm sinh thiết đại tràng	- Kìm sinh thiết không kim. - Chiều dài làm việc: 230cm - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	Cái	100
8.19	Nắp chụp đầu dây soi	- Nắp chụp bảo vệ đầu dây soi. - Đường kính nắp chụp trong khoảng từ 9.5mm đến 13.5mm.	Cái	10
8.20	Ngáng miệng	- Ngáng miệng có các loại: người lớn, trẻ em. - Loại có dây đeo.	Cái	100
8.21	Rọ lấy sỏi đường mật	Rọ lấy sỏi đường mật có dây dẫn hướng. - Độ mở rọ trong khoảng từ 1.5cm đến 3cm	Cái	40

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn có thể được khóa và mở khóa ở bất kỳ thời điểm nào trong khi thực hiện quá trình. - Tương thích với dây dẫn hướng 0.035". - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu. 		
8.22	Stent dẫn lưu mật	<p>Stent đường mật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các kích cỡ tối thiểu trong khoảng từ 7F đến 10F. - Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 5cm đến 15cm. - Có các hình dạng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). - Xuất xứ: G7 (Mỹ, Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản) hoặc Châu Âu. 	Cái	250
8.23	Stent thực quản	<p>Stent thực quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm tối thiểu: <ul style="list-style-type: none"> + 01 bộ dụng cụ đặt stent + 01 Stent kim loại - Stent: <ul style="list-style-type: none"> + Có các chiều dài tối thiểu trong khoảng từ 10cm đến 15cm. + Đường kính ngoài tối thiểu trong khoảng từ 18mm đến 23mm. - Đường kính ống thông: 18.5F. - Chiều dài bộ đẩy: 120cm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Bộ	10
8.24	Thông lọng cắt polyp	<ul style="list-style-type: none"> - Thông lọng cắt polyp, dạng bện, có kích thước 0.23mm. - Chiều dài làm việc: 230cm. - Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 24mm đến 36mm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ). 	Cái	120
8.25	Thông lọng lạnh cắt polyp	<ul style="list-style-type: none"> - Thông lọng lạnh cắt polyp - Chiều dài làm việc: 230cm - Có các đường kính tối thiểu trong khoảng từ 10mm đến 	Cái	30

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		15mm. - Sử dụng được với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).		
8.26	Van hút	- Van hút. - Sử dụng được với ống nội soi dạ dày, đại tràng.	Cái	40
8.27	Van sinh thiết	- Van sinh thiết. - Sử dụng được với ống nội soi dạ dày, đại tràng.	Cái	40
9	Vật tư phẫu thuật chuyên khoa tai mũi họng			
9.1	Lưỡi cắt nạo xoang cong 40°	- Lưỡi cắt nạo xoang cong 40°, quay được ≥360°. - Chiều dài: 10cm. - Lưỡi cắt 3 chiều. - Tốc độ tối đa: ≥5000 vòng/ phút. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	30
9.2	Lưỡi cắt nạo xoang cong 60°	- Lưỡi cắt nạo xoang cong 60°, quay được ≥360°. - Chiều dài: 10cm - Lưỡi cắt 3 chiều. - Tốc độ tối đa: ≥5000 vòng/ phút. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	10
9.3	Lưỡi cắt nạo xoang cong 90°	- Lưỡi cắt nạo xoang cong 90°, quay được ≥360°. - Chiều dài: 10cm. - Lưỡi cắt 3 chiều. - Tốc độ tối đa: ≥5000 vòng/ phút. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	10
9.4	Lưỡi cắt nạo xoang thẳng	- Lưỡi cắt nạo xoang thẳng, quay được ≥360°. - Chiều dài: 10cm. - Mặt cắt 3 chiều. - Tốc độ tối đa: ≥5000 vòng/ phút. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	20
9.5	Mũi khoan kim cương	- Mũi khoan kim cương. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 60mm đến 80mm. - Đường kính mũi trong khoảng từ 0.5mm đến 5.0mm.	Cái	12

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).		
9.6	Mũi khoan phá	- Mũi khoan phá. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 60mm đến 80mm. - Đường kính mũi trong khoảng từ 1.5mm đến 5.0mm. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	16
10	Vật tư phẫu thuật nội soi			
10.1	Dây cáp cao tần lưỡng cực	- Dây cáp cao tần lưỡng cực. - Chiều dài: ≥3m. - Tương thích với dao mổ điện của hãng Covidien, dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	60
10.2	Dụng cụ lưỡng cực phẫu thuật nội soi	Dụng cụ phẫu thuật nội soi lưỡng cực, tối thiểu bao gồm 3 thành phần: - Ruột lưỡng cực loại bóc tách mô, hàm cong, hoạt động hai bên, chiều dài hàm ≥ 9mm. - Vỏ ngoài cách điện cỡ 5 mm, chiều dài ≥330 mm. - Tay cầm không khóa, có chân cắm kết nối dây dao mổ điện lưỡng cực.	Cái	5
10.3	Điện cực cầm máu hình bánh xe	- Điện cực cầm máu hình bánh xe. - Đường kính 5mm. - Kích cỡ 24/26 Fr. - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	20
10.4	Điện cực cắt đốt hình vòng	- Điện cực cắt đốt, hình vòng. - Kích cỡ 24/26 Fr. - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	100
10.5	Gioăng cao su trocar cỡ 6mm	- Gioăng cao su trocar. - Tương thích với trocar cỡ ≥6mm của hãng Karl Storz.	Cái	200
10.6	Gioăng cao su trocar cỡ 11mm	- Gioăng cao su trocar. - Tương thích với trocar cỡ ≥11mm của hãng Karl Storz.	Cái	200
10.7	Hàm forceps lưỡng cực	Hàm forceps lưỡng cực. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài: 30cm - Bề rộng hàm tối thiểu trong khoảng từ 3mm đến 5mm.	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.		
10.8	Panh gấp sỏi cỡ 4Fr	- Panh gấp sỏi, hàm cá sấu hoạt động 02 bên, loại cứng/bán cứng. - Chiều dài: 60cm. - Kích cỡ: 4 Fr.	Cái	8
10.9	Panh gấp sỏi cỡ 5Fr	- Panh gấp sỏi, hàm cá sấu hoạt động 02 bên, loại cứng/bán cứng. - Chiều dài 60cm. - Kích cỡ: 5 Fr.	Cái	8
10.10	Tay cầm lưỡng cực	- Tay cầm dạng xỏ ngón - Có chân cắm đốt điện lưỡng cực - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	10
10.11	Tay panh loại có khoá	- Chất liệu: Nhựa, có khóa, kiểu tay cầm xỏ ngón. - Có chân cắm đốt điện đơn cực. - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	20
10.12	Tay panh loại không khoá	- Chất liệu: Nhựa, không có khóa, kiểu tay cầm xỏ ngón. - Có chân cắm đốt điện đơn cực. - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	20
10.13	Van trocar cho dụng cụ cỡ 6mm	- Van trocar loại đa chức năng, cỡ ≥ 6 mm. - Có thể mở tự động hoặc thủ công. - Tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng hãng Karl Storz.	Cái	10
10.14	Van trocar cho dụng cụ cỡ 11mm	- Van trocar loại đa chức năng, cỡ ≥ 11 mm. - Có thể mở tự động hoặc thủ công. - Tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng hãng Karl Storz.	Cái	20
10.15	Vỏ ngoài forceps lưỡng cực	- Vỏ ngoài forceps. - Chiều dài: 33cm - Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 3mm đến 5mm. - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	10
10.16	Vỏ trong forceps lưỡng cực	- Vỏ trong forceps. - Chiều dài: 33cm - Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 3mm đến 5mm.	Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.		
10.17	Vỏ trong ống soi cắt tiết niệu	- Vỏ trong ống soi cắt tiết niệu. - Sử dụng với ống soi cắt cỡ 24/26Fr. - Tương thích với dụng cụ phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz.	Cái	6
10.18	Xi lanh bàng quang	- Xi lanh bàng quang. - Dung tích: 150ml	Cái	6
11	Vật tư y tế khác			
11.1	Băng dính	- Chất liệu: Vải lụa. - Phủ keo. Độ dính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chiều rộng: 5cm. - Chiều dài: ≥ 5m/ cuộn	Cuộn	50.000
11.2	Bơm cho ăn	- Chất liệu: nhựa y tế. - Dung tích 50ml. - Có vạch chia dung tích. - Lắp vừa với dây cho ăn. - Đã được tiệt trùng.	Cái	35.000
11.3	Chạc ba	- Chất liệu: Polyamide hoặc Polycarbonate. - Chịu áp lực ≥ 4 bar - Thể tích mỗi: 0.25ml ± 0,01ml - Có tín hiệu hãm mỗi 45° xoay. - Đạt tối thiểu chứng nhận/chứng chỉ: CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ).	Cái	40.000
11.4	Dây ga rô cầm máu	- Chất liệu: cao su, không phủ bột. - Có băng gai dính 2 đầu. - Kích thước (dài x rộng): 25x2.5cm	Cái	200
11.5	Đầu côn có màng lọc 10µl	- Đầu côn lọc thể tích 10µl. - Chất liệu: nhựa polypropylene;	Cái	20.000
11.6	Đầu côn có màng lọc 100µl	- Đầu côn lọc thể tích 100µl. - Chất liệu: nhựa polypropylene;	Cái	12.000
11.7	Đầu côn có màng lọc 200µl	- Đầu côn lọc thể tích 200µl. - Chất liệu: nhựa polypropylene;	Cái	20.000
11.8	Đầu côn có màng lọc 1000µl	- Đầu côn lọc thể tích 1000µl. - Chất liệu: nhựa polypropylene;	Cái	25.000
11.9	Kim lấy thuốc	- Chất liệu kim tiêm: Thép không gỉ. - Đầu kim vát 3 cạnh, có nắp chụp kim.	Cái	1.200.000

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ <https://bvdkbacninh.vn/tin-tuc/thu-moi-bao-gia>

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật (Đối với các thông số cố định, cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Có các cỡ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Đã được tiệt trùng. 		
11.10	Kim sinh thiết tủy xương	<ul style="list-style-type: none"> Kim chọc hút và sinh thiết tủy xương - Tay cầm hình chữ T, cây đẩy bệnh phẩm, đầu bảo vệ, khóa. - Thân kim có vạch chia. - Có tối thiểu các đường kính: 8G, 11G, 13G. - Chiều dài trong khoảng từ 65mm đến 150mm. 	Cái	240
11.11	Ống eppendorf	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa polypropylene. - Thể tích: 1.5ml. - Kích thước: 10x40mm. 	Cái	40.000
11.12	Ống nghe 2 tác dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghe 2 tác dụng. - Chất liệu: PVC, nhôm, đồng. 	Cái	200
11.13	Ống PCR	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: polypropylen. - Thể tích: 0.1ml. - Dài 8 ống. 	Cái	20.000
11.14	Que lấy bệnh phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Gỗ thông. - Kích thước: 180 x 18 x 2mm. - Đã được tiệt trùng. 	Cái	6.000
11.15	Túi đựng thuốc sắc	<ul style="list-style-type: none"> Túi đựng thuốc sắc. - Bao gồm: 01 cuộn mặt trước và 01 cuộn mặt sau. - Chiều rộng: 10cm. - Chiều dài: $\geq 350m$. 	Cái	50

Mẫu báo giá
Gói thầu: Mua sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-2027
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá **Mua sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-2027** như sau:

1. Báo giá Mua sắm vật tư khám chữa bệnh năm 2026-2027

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS (Nếu xác định được)	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá chưa thuế (VND)	Thuế suất (%)	Thành tiền (VND)
1		Hàng hoá A											
2		Hàng hoá B											
n		...											

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác

3. Hàng hoá mới 100%, bàn giao tại đơn vị sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất....tháng (nếu có).

Thư mời báo giá đăng tại địa chỉ <https://bvdkbacninh.vn/tin-tuc/thu-moi-bao-gia>

4. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 22/06/2026.

5. Chúng tôi cam kết:

- Cung cấp danh mục, số lượng hàng hoá theo yêu cầu, đáp ứng về yêu cầu tính năng, kỹ thuật của Quý Bệnh viện quy định tại Phụ lục danh mục hàng hoá/dịch vụ kèm theo yêu cầu báo giá số 5276/YCBG-BVĐKBN2 ngày 11/06/2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2).

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng không giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)